

QUY ĐỊNH MỚI VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA

■ **Trương Thị Trúc Lệ¹**

Ngày 11/7/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2019.

Nghị định số 62/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung điều kiện chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản. Cụ thể:

- Không làm mất đi các điều kiện phù hợp để trồng lúa trở lại; không gây ô nhiễm, thoái hóa đất trồng lúa; không làm hư hỏng công trình giao thông, công trình thủy lợi phục vụ trồng lúa.

- Phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa của cấp xã, đảm bảo công khai, minh bạch.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây lâu năm phải theo vùng, để hình thành các vùng sản xuất tập trung và khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng sẵn có; phù hợp với định hướng hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp của địa phương.

- Trường hợp trồng lúa đồng thời kết hợp nuôi trồng thủy sản, cho phép sử dụng tối đa 20% diện tích đất trồng lúa để hạ thấp mặt bằng cho nuôi trồng thủy sản, độ sâu của mặt bằng hạ thấp không quá 120cm, khi cần thiết phải phục hồi lại được mặt bằng để trồng lúa trở lại.

Quy định thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

Nghị định số 62/2019/NĐ-CP bổ sung quy định thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa. Theo quy định, đối tượng có nhu cầu chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, gửi 1 bản đăng ký đến UBND cấp xã theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định này gồm: các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng đất trồng lúa hợp pháp (người sử dụng đất) có nhu cầu chuyển đổi sang trồng cây hàng năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản; hộ gia đình, cá nhân trong nước sử dụng đất trồng lúa hợp pháp có nhu cầu chuyển sang trồng cây lâu năm.

Trường hợp bản đăng ký chuyển đổi không hợp lệ, trong thời gian 3 ngày làm việc, UBND cấp xã phải hướng dẫn cho người sử dụng đất, chỉnh sửa, bổ sung bản đăng ký.

Trường hợp bản đăng ký chuyển đổi hợp lệ và phù hợp với kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của UBND cấp xã, trong thời gian 5 ngày làm việc, UBND cấp xã có ý kiến “Đồng ý cho chuyển đổi”, đóng dấu vào Bản đăng ký, vào sổ theo dõi và gửi lại cho người sử dụng đất.

Trường hợp không đồng ý, UBND cấp xã phải trả lời bằng văn bản.

Sử dụng kinh phí hỗ trợ

Nghị định số 62/2019/NĐ-CP cũng sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; trong đó sửa đổi, bổ sung quy định sử dụng kinh phí hỗ trợ.

Theo đó, UBND các cấp sử dụng kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước nộp và nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, địa phương sẽ quyết định thực hiện hỗ trợ cho người trồng lúa: sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí dùng hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Phần kinh phí còn lại để thực hiện các việc: a- Phân tích chất lượng hóa, lý tính của các vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao định kỳ 10 năm để sử dụng hiệu quả và có biện pháp cải tạo phù hợp; Cải tạo nâng cao chất lượng đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại: tăng độ dày của tầng canh tác; tôn cao đất trồng lúa trũng, thấp; tăng độ bằng phẳng mặt ruộng; thau chua, rửa mặn đối với đất bị nhiễm phèn, mặn và các biện pháp cải tạo đất khác; c- Đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã, trong đó ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi trên đất trồng lúa; d- Khai hoang, phục hóa đất chưa sử dụng thành đất chuyên trồng lúa nước hoặc đất trồng lúa nước còn lại.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/9/2019.

1 - Đơn vị Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 40/2019/NĐ-CP NGÀY 13/5/2019 CỦA CHÍNH PHỦ

■ ~~Trần Hồng Châu~~¹

Dương Văn Hiệp

Ngày 13/5/2019 Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 40/2019/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường (BVMT). Nghị định số 40/2019/NĐ-CP đã giải quyết những vấn đề còn chồng chéo, lấp khoảng trống trong các văn bản luật trước đó. Cụ thể như sau:

Nghị định 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định gồm: Nghị định 18/2015/NĐ-CP về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định 19/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT; Nghị định 38/2015/NĐ-CP quy định về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định 127/2014/NĐ-CP quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

VỀ VIỆC LẬP BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Nghị định 40/2019/NĐ-CP bổ sung chi tiết các nội dung chính trong báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM). Theo đó, đối với dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của cơ sở, khu công nghiệp đang hoạt động, trong báo cáo đánh giá tác động môi trường phải có thêm một phần đánh giá về tình hình hoạt động và thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở, khu công nghiệp hiện hữu; đánh giá tổng hợp tác động môi trường của cơ sở, khu công nghiệp hiện hữu và dự án mở rộng quy mô, nâng công suất hoặc thay đổi công nghệ của dự án mới.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp và các dự án thuộc loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, trong báo cáo đánh giá tác động môi trường phải có

phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải; phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP.

Đối với dự án khai thác cát, sỏi và khoáng sản khác trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa và vùng cửa sông, ven biển phải có nội dung đánh giá tác động tới lòng, bờ, bãi sông theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước...

Các biện pháp xử lý chất thải, đối với dự án đầu tư xây dựng có công trình xử lý chất thải để thẩm định về môi trường phải có phần thuyết minh và phương án thiết kế cơ sở (đối với dự án có nhiều bước thiết kế) hoặc phương án thiết kế bản vẽ thi công của công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật về xây dựng; có phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình thi công xây dựng, vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành; chương trình quản lý và giám sát môi trường được thực hiện trong giai đoạn thi công xây dựng dự án; dự kiến chương trình quản lý và quan trắc môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành...

Đặc biệt, Nghị định bổ sung thêm nội dung quy định số lượng và thời điểm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường vào Điều 14, Nghị định 18/2015/NĐ-CP. Cụ thể, một dự án đầu tư chỉ lập một báo cáo đánh giá tác động môi trường. Chủ dự án trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước các thời điểm sau đây: Đối với dự án khai thác khoáng sản, trình trước khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định để cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản. Đối với dự án thăm dò, khai thác dầu khí, trình trước khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kế hoạch thăm dò,

1 - Đơn vị Chi cục Bảo vệ Môi trường

kế hoạch phát triển mở. Đối với dự án đầu tư xây dựng, trình trước khi cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp dự án chỉ yêu cầu thiết kế một bước...)

BỔ SUNG, THAY ĐỔI CÁC DANH MỤC

Nghị định cũng bổ sung Danh mục các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Theo đó, danh mục các loại hình sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường được chia thành 3 nhóm.

- Nhóm I gồm: khai thác, làm giàu quặng khoáng sản độc hại; luyện kim; tinh chế, chế biến khoáng sản độc hại; phá dỡ tàu biển; sản xuất giấy, bột giấy, ván sợi (MDF, HDF); sản xuất hoá chất, phân bón hóa học (trừ loại hình phối trộn); thuốc bảo vệ thực vật hóa học; nhuộm (vải, sợi), giặt mài; thuộc da; lọc hóa dầu; nhiệt điện than, sản xuất than cốc, khí hóa than, điện hạt nhân.

- Nhóm II gồm: xử lý, tái chế chất thải; sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất; có công đoạn xi mạ, làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất; sản xuất pin, ắc quy; sản xuất clinker.

- Nhóm III gồm: chế biến mủ cao su; chế biến tinh bột sắn; bột ngọt; bia, rượu, cồn công nghiệp; chế biến mía đường; chế biến thủy sản, giết mổ gia súc, gia cầm; sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử.

Bên cạnh đó, bổ sung, thay mới danh mục dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.

Dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường gồm 107 loại được chia thành nhóm đặc biệt do quy mô và chính sách môi trường như các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hay Dự án đầu tư xây dựng sử dụng đất rừng và 18 nhóm dự án về xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng; giao thông; năng lượng, phóng xạ; điện tử; thủy lợi, khai thác rừng, trồng trọt; khai thác, chế biến khoáng sản; khai thác tài nguyên nước; dầu khí; xử lý, tái chế chất thải; cơ khí, luyện kim; chế biến gỗ, sản xuất thủy tinh, gốm sứ; sản xuất, chế biến thực phẩm; chế biến nông sản; chăn nuôi và chế biến thức ăn chăn nuôi; sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; hóa chất, dược phẩm, mỹ phẩm nhựa, chất dẻo; sản xuất giấy và văn phòng phẩm; dệt nhuộm và may mặc...vv.

Nghị định số 40/2019/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/7/2019. Nghị định này bãi bỏ: Điều 11 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường; Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 34, Điều 35, Điều 36 và các khoản 3, 4, 5 và khoản 6 Điều 55 và phụ lục V của Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường; khoản 5 và khoản 9 Điều 9, điểm a và điểm b khoản 1, Điều 27, Điều 38. Điều 41, điểm b khoản 1 Điều 43, khoản 3 Điều 44 của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu.

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CẤP ỦY TRONG VIỆC

TIẾP DÂN, ĐỐI THOẠI TRỰC TIẾP VỚI DÂN (Tiếp theo trang 4)

2. Thời gian tiếp dân

- Người đứng đầu cấp ủy tiếp dân định kỳ:
 - + Người đứng đầu cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện tiếp dân ít nhất 1 ngày trong 1 tháng.
 - + Người đứng đầu cấp ủy cấp xã tiếp dân ít nhất 2 ngày trong 1 tháng.
 - Người đứng đầu cấp ủy tiếp dân đột xuất trong các trường hợp:

+ Vụ việc nổi cộm, phức tạp, kéo dài, có nhiều người tham gia, liên quan đến trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc ý kiến các cơ quan, tổ chức đơn vị còn khác nhau.

+ Vụ việc có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CẤP ỦY TRONG VIỆC TIẾP DÂN, ĐỐI THOẠI TRỰC TIẾP VỚI DÂN

■ **Trương Thị Trúc Lệ**¹

Ngày 18/02/2019, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 11-Qđ/TW “về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân”.

Quy định này được áp dụng đối với người đứng đầu cấp ủy cấp tỉnh, cấp ủy cấp huyện, cấp ủy cấp xã; người phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo là người dân, cán bộ, đảng viên, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Theo đó, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân và thời gian tiếp dân được quy định cụ thể như sau:

1. Trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại, xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân:

- Thực hiện sự lãnh đạo, chỉ đạo, yêu cầu của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy cấp trên trong công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân.

- Trực tiếp thực hiện việc tiếp dân, kịp thời đối thoại với dân khi cần thiết và xử lý, giải quyết các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân theo thẩm quyền.

- Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc người đứng đầu cấp ủy, tổ chức, cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền chấp hành quy định về công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân.

- Ban hành và tổ chức thực hiện nội quy, quy chế tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà

nước; phân công một cơ quan, đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm tiếp nhận, xử lý thông tin, báo cáo và theo dõi, tổng hợp, tham mưu cho người đứng đầu cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của dân trên địa bàn; bố trí địa điểm, điều kiện vật chất, kỹ thuật cần thiết, thuận lợi cho người dân đến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.

- Chỉ đạo, hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền bảo đảm trật tự, an toàn cho việc tiếp dân; bảo vệ người phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo.

- Thông báo thời gian, địa điểm tiếp dân trên trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức (nếu có) và trụ sở làm việc của người đứng đầu cấp ủy hoặc địa điểm tiếp dân.

- Định kỳ quý, 6 tháng, 9 tháng, năm hoặc đột xuất trực tiếp làm việc với Bí thư cấp ủy cấp dưới trực tiếp và thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cùng cấp có liên quan về tình hình, kết quả công tác tiếp dân, xử lý, giải quyết các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân.

- Định kỳ hằng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm hoặc đột xuất báo cáo tình hình, kết quả tiếp dân và xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân, cụ thể:

+ Bí thư cấp ủy cấp tỉnh báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Nội chính Trung ương, Ban Dân vận Trung ương.

+ Bí thư cấp ủy cấp huyện báo cáo với bí thư cấp ủy cấp tỉnh, ban nội chính, ban dân vận cấp ủy cấp tỉnh.

+ Bí thư cấp ủy cấp xã báo cáo với bí thư và ban dân vận cấp ủy cấp huyện.

¹ - Đơn vị Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

(Xem tiếp trang 3)

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ KHIẾU NẠI VÀ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

■ Lưu Văn Mừng¹

* KHIẾU NẠI:

Khoản 1,2,6 Điều 2 Luật Khiếu nại năm 2011 ghi

Khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức theo thủ tục do Luật này quy định, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Người khiếu nại là công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức thực hiện quyền khiếu nại.

Người giải quyết khiếu nại là cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Khoản 1, 3 Điều 7 Quy định trình tự khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính là trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình thì người khiếu nại khiếu nại lần đầu đến người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết lần đầu hoặc quá

thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì người khiếu nại khiếu nại lần đầu đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến Bộ trưởng quản lý ngành, lĩnh vực hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Hình thức khiếu nại (Điều 8 Luật Khiếu nại quy định) như sau:

Việc khiếu nại được thực hiện bằng đơn khiếu nại hoặc khiếu nại trực tiếp.

Trường hợp khiếu nại được thực hiện bằng đơn thì trong đơn khiếu nại phải ghi rõ ngày, tháng, năm khiếu nại; tên, địa chỉ của người khiếu nại; tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại; nội dung, lý do khiếu nại,

1 - Đơn vị Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại và yêu cầu giải quyết của người khiếu nại. Đơn khiếu nại phải do người khiếu nại ký tên hoặc điểm chỉ.

Trường hợp người khiếu nại đến khiếu nại trực tiếp thì người tiếp nhận khiếu nại hướng dẫn người khiếu nại viết đơn khiếu nại hoặc người tiếp nhận ghi lại việc khiếu nại bằng văn bản và yêu cầu người khiếu nại ký hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung, lý do khiếu nại, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại và yêu cầu giải quyết của người khiếu nại.

*** THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI:**

- Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (Điều 18 Luật Khiếu nại quy định) như sau:

Giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình.

Giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết.

- Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Điều 21 Luật Khiếu nại quy định) như sau:

(Tiếp theo trang 24)

đồng thời thực hiện theo Công văn số 4907/BTN-MT-TĐKTTT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện phát động phong trào trong ngành tài nguyên và môi trường, cụ thể ngày 02/7/2019, Sở đã ban hành Công văn số 1298/STNMT-CCBVMT về việc hưởng ứng phong trào “Chống rác thải nhựa” trong ngành tài nguyên và môi trường, theo đó văn bản này đã được chuyển đến các trường phòng, cơ quan, đơn vị thuộc sở, trường phòng tài nguyên và môi trường các huyện, thị xã, thành phố và đề nghị cùng tổ chức hưởng ứng thực hiện các nội dung sau:

1- Phối hợp với các đoàn thể tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm nhựa và nylon; phổ biến, nhân rộng mô hình, những kinh nghiệm hay, cách làm mới, sáng tạo, hiệu quả trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị để công chức, viên chức, người lao động toàn ngành học tập nghiên cứu áp dụng; phối hợp với cơ quan Báo, Đài thực hiện chuyên trang, chuyên mục, phóng sự về

Giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình.

Giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc sở và cấp tương đương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết.

Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết khiếu nại giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình.

Như vậy, công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức cho rằng hành vi hành chính, quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thì gửi đơn đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để được xem xét giải quyết.

Gửi đơn đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh :

Đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc sở và cấp tương đương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết.

giảm sử dụng túi nylon và đồ nhựa trên địa bàn tỉnh nhằm tuyên truyền rộng rãi trong cộng đồng về tác hại cũng như ô nhiễm môi trường do túi ni lông và đồ nhựa gây ra.

2- Chỉ đạo công chức, viên chức, người lao động hành động và vận động người thân cùng thực hiện “Nói không với sản phẩm nhựa sử dụng một lần” và không sử dụng các sản phẩm nhựa khó phân hủy, sử dụng một lần trong hoạt động của cơ quan, đơn vị, thay vào đó sử dụng nước uống bình lớn (loại bình 20 lít) và các ly thủy tinh sử dụng nhiều lần thay thế các chai nhựa, ly nhựa, ống hút sử dụng một lần hiện nay,... trong các cuộc họp, hội nghị,... Của cơ quan, đơn vị mình.

3- Phát động mỗi công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành cùng hành động và vận động người thân, gia đình cùng thực hiện “Nói không với sản phẩm nhựa sử dụng một lần” thay vào đó sử dụng túi sinh thái đi chợ, đi siêu thị mua sắm,...

HỘI NGHỊ SƠ KẾT CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ TUYÊN TRUYỀN 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2019 (CỤM THI ĐUA SỐ VIII)

■ Quách Thiện Nhựt¹

Ngày 19/7/2019, tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long, Cụm thi đua số VIII (Bộ Tài nguyên và Môi trường) tổ chức Hội nghị sơ kết công tác thi đua, khen thưởng và tuyên truyền 06 tháng đầu năm 2019, Hội nghị do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp (Cụm Trưởng) chủ trì. Đại biểu tham dự Hội nghị là Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Văn phòng Sở, Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường, Lãnh đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất, chuyên viên phụ trách công tác thi đua - khen thưởng, chuyên viên phụ trách quản lý môi trường, quản lý đất đai,... của Sở Tài nguyên và Môi trường 06 tỉnh, gồm: Đồng Tháp (Cụm Trưởng), Vĩnh Long (Cụm Phó), Tiền Giang, Bến Tre, Long An và Trà Vinh. Thành phần đoàn công tác Sở Tài nguyên và Môi trường Trà Vinh có 05 đại biểu đến dự Hội nghị, gồm: 01 Phó Giám đốc Sở, Chánh Văn phòng Sở, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất, 01 Phó Chi cục Trưởng Chi cục bảo vệ môi trường, 01 chuyên viên Văn phòng Sở.

- Hội nghị đã thông qua báo cáo sơ kết công tác thi đua, khen thưởng và tuyên truyền 06 tháng đầu năm 2019, đề ra phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2019 của Cụm thi đua số VIII;

- Hội nghị thông qua các báo cáo tham luận xoay quanh 02 chuyên đề lớn:

(1) Giải pháp vận động, tuyên truyền để thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường tại địa phương;

(2) Giải pháp thực hiện trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng an toàn, đạt kết quả cao nhất.

- Hội nghị đã trao đổi, thảo luận các vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ môi trường; đổi mới trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; đa dạng hóa các mô hình nhân dân tự quản, phát huy tính sáng tạo, cách làm hay, các đội nhóm, câu lạc bộ về bảo vệ môi trường;



Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp (Cụm Trưởng) phát biểu khai mạc Hội nghị

tăng cường sự tham gia và đi đầu của các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội trong tuyên truyền bảo vệ môi trường; huy động các nguồn lực để xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, nghiêm trọng, xử lý các điểm nóng phát sinh về ô nhiễm môi trường... Về công tác đền bù, giải phóng mặt bằng tại từng địa phương, Hội nghị đã có chia sẻ nhiều kinh nghiệm, kỹ năng, trong đó: có những việc nên làm, những việc không nên làm, những kỹ năng, cách thuyết phục để người dân đồng thuận, tránh phát sinh khiếu nại, thắc mắc,... giúp cho công tác đền bù về đất đai khi nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án đầu tư đạt hiệu quả cao.

- Ngoài ra, Hội nghị còn tập trung đóng góp cho chương trình, phương hướng nhiệm vụ 06 tháng cuối năm của Cụm VIII, đảm bảo cho công tác thi đua, khen thưởng và tuyên truyền đạt yêu cầu đặt ra và đúng với các nhiệm vụ, định hướng của Bộ Tài nguyên và Môi trường giao trong năm 2019.

Thời gian Hội nghị diễn ra với tinh thần tập trung cao, trách nhiệm và có nhiều đổi mới. Kết quả Hội nghị thành công và đạt yêu cầu đề ra.

1 - Đơn vị Phòng Quản lý Tài nguyên và Đất đai

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ BẮC VỚI CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG

■ Châu Tấn¹

Là một doanh nghiệp sản xuất công nghiệp gắn liền với vườn dứa, với nông dân, nông thôn. Qua nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chế biến từ cây dứa Công ty cổ phần Trà Bắc nhận thức được vai trò nhiệm vụ hết sức quan trọng trong việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm của Doanh nghiệp, từ đó trong những năm qua Công ty cổ phần Trà Bắc đã và đang tích cực đầu tư trang thiết bị hoạt động thiết thực cải thiện khắc phục ô nhiễm tối đa trong sản xuất kinh doanh nhằm góp phần bảo vệ môi trường.

Được biết, từ năm 2015 đến cuối năm 2018 nhằm góp phần bảo vệ môi trường Công ty cổ phần Trà Bắc đã đầu tư nhiều hạng mục thiết thực cải thiện khắc phục ô nhiễm tối đa trong sản xuất kinh doanh tại Công ty và các xí nghiệp đang hoạt động trên địa bàn trong tỉnh như; Hệ thống máy

hút bụi dưới đáy lò hoạt hóa, nhà bao che tránh bụi phát tán ra môi trường, ao sinh học làm trong nước trước khi thải ra môi trường, kho chứa chất thải rắn, máy hút bụi túi vải, máy hút bụi ướt xử lý bụi mùn dứa, hệ thống xử lý nước thải của xí nghiệp Rạch Lợp huyện Tiểu Cần bằng công nghệ Vi sinh đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài và nhà năng lượng để sấy sản phẩm, không dùng nhiên liệu đốt tránh ô nhiễm môi trường, với tổng mức đầu tư các hạng mục thiết bị trên nhằm phục vụ công tác bảo vệ môi trường là 6.090.000.000đ.

Bảo vệ môi trường trong bối cảnh hiện nay, đây cũng là mục tiêu không thể thiếu mà lãnh đạo Công ty Trà Bắc đã đề ra trong quá trình sản xuất nhằm để cao các mặt hàng, sản phẩm của Công ty trên thương trường trong và ngoài nước cũng như đảm bảo mọi người dân được sống trong môi trường trong sạch và lành mạnh.



Hệ thống xử lý chất thải

1 - Đơn vị Đài Phát thanh truyền hình Trà Vinh

MỘT SỐ NỘI DUNG CẦN BIẾT ĐỂ THỰC HIỆN HỒ SƠ CẤP GIẤY PHÉP

HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC TRONG PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2018/NĐ - CP CỦA CHÍNH PHỦ

■ Dương Văn Trung¹

Trong thời gian qua, tình hình khai thác lớp đất mặt và đất sét dưới dạng cải tạo đất trên những ruộng lúa gò cao, ao hồ khá phổ biến gây khó khăn cho công tác quản lý nguồn tài nguyên này. Từ đó, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 05/11/2012 về việc tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với việc khai thác lớp đất mặt, cát giồng và đất sét dưới dạng cải tạo đất sản xuất nông nghiệp. Sau thời gian thực hiện Chỉ thị đã mang lại những kết quả tích cực.

Theo kết quả điều tra, đánh giá thì nguồn tài nguyên đất sét của tỉnh khá dồi dào, trong đó có 12 khu vực với tổng diện tích 268,13ha, tài nguyên sét cấp tài nguyên đạt 4.458.684 m³ và 1 khu vực quy hoạch theo hiện trạng thăm dò với diện tích 200 ha, tổng trữ lượng ước đạt 9.083.988 m³. Tất cả tài nguyên khoáng sản sét của tỉnh đều nằm trên ruộng lúa nên tỉnh không đưa vào quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng. Kết quả điều tra trên địa bàn tỉnh Trà Vinh hiện có 44 lò gạch sản xuất các loại sản phẩm là gạch ống và gạch thẻ các loại, trong đó có một số Doanh nghiệp đang hoạt

động sản xuất gạch ngói với công suất thấp hoặc sản xuất cầm chừng do không chủ động nguồn nguyên liệu; các doanh nghiệp, cá nhân còn lại đang tạm ngưng do không có nguồn nguyên liệu sản xuất hoặc sản xuất không hiệu quả. Do tỉnh không cấp phép khai thác nên các cơ sở thiếu nguồn nguyên liệu sản xuất và chủ yếu sử dụng nguyên liệu đất sét từ việc cải tạo lớp đất mặt ruộng lúa gò cao là khá phổ biến ở một số xã trên địa bàn các huyện Càng Long, Cầu Kè, Châu Thành với độ sâu cải tạo từ 0,15m đến 0,3m, việc cải tạo do người dân tự phát để bán đất sét cho các lò gạch. Song song đó, trên địa bàn các huyện Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải do thiếu nguồn vật liệu cát, đất san lấp nên một số tổ chức, cá nhân lợi dụng việc cải tạo đất để khai thác lớp đất mặt phục vụ san lấp mặt bằng công trình gây mất ổn định tại địa phương và ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.

Việc ban hành Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 05/11/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh đã kịp thời chấn chỉnh và giúp quản lý tốt việc cải tạo đất. Qua đó, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục

¹ Đơn vị Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

■ Đặng Văn Mừng¹

1. Khái niệm hòa giải

Theo Từ điển tiếng Việt, hòa giải là “hành vi thuyết phục các bên đồng ý chấm dứt xung đột hoặc xích mích một cách ổn thỏa”

2. Các hình thức hòa giải

Ở nước ta hiện nay có những hình thức hòa giải khác nhau: Hòa giải trong tố tụng dân sự của Tòa án, hòa giải trong tố tụng trọng tài, hòa giải tranh chấp lao động, hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và hòa giải ở cơ sở.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 quy định: “Hòa giải ở cơ sở là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật theo quy định của Luật này”.

Như vậy, có thể hiểu rằng, hòa giải ở cơ sở là việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên tranh chấp đạt được thỏa thuận, tự nguyện giải quyết với nhau những vi phạm pháp luật nhằm giữ gìn đoàn kết và tranh chấp nhỏ trong nội bộ nhân dân, củng cố phát huy những tình cảm và đạo lý truyền thống tốt đẹp trong gia đình và cộng đồng dân cư, phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp luật, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong cộng đồng dân cư. Hoạt động hòa giải được thông qua các hòa giải viên ở các tổ hòa giải.

3. Vai trò, ý nghĩa của hòa giải ở cơ sở

Thứ nhất, hòa giải ở cơ sở góp phần giải quyết kịp thời, từ gốc mâu thuẫn, xích mích, các tranh chấp trong gia đình, cộng đồng dân cư, từ đó khôi phục, duy trì, củng cố tình đoàn kết trong nội bộ nhân dân, phòng ngừa, hạn chế vi phạm pháp

luật, tội phạm, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, tránh để chuyện bé xé ra to, từ tranh chấp dân sự chuyển thành phạm tội hình sự. Giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, quan hệ tốt đẹp giữa các bên được duy trì, góp phần giảm bớt khiếu nại, tố cáo, khiếu kiện của nhân dân, tiết kiệm thời gian, chi phí, công sức của nhân dân cũng như của Nhà nước.

Thứ hai, hòa giải ở cơ sở góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quản lý xã hội. Đặc trưng cơ bản của hòa giải là bảo đảm quyền tự định đoạt của các bên trong giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn. Vì vậy, hòa giải là một phương thức để thực hiện dân chủ. Thông qua hòa giải, đặc biệt là hòa giải ở cơ sở, vai trò tự quản của người dân được tăng cường. Điều đó có ý nghĩa rất quan trọng góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Thứ ba, hòa giải ở cơ sở góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân. Trong quá trình hòa giải, bên cạnh việc vận dụng các công cụ khác (văn hóa, đạo đức, thuần phong, mỹ tục, đạo lý, truyền thống...), các hòa giải viên còn vận dụng các quy định pháp luật để giải thích, hướng dẫn, thuyết phục các bên, giúp họ hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật để họ tự lựa chọn, tự dàn xếp ổn thỏa với nhau những mâu thuẫn, tranh chấp. Thông qua hòa giải, pháp luật đến với người dân một cách tự nhiên, trực tiếp, có sức thấm thấu sâu sắc, sức lan tỏa rộng lớn.

Thứ tư, hòa giải ở cơ sở góp phần duy trì và phát huy đạo lý truyền thống, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Hòa giải viên khi tiến hành hòa giải không chỉ dựa trên các quy định của pháp luật mà

1 - Đơn vị Phòng Quản lý Tài nguyên và Biển

còn dựa vào những chuẩn mực đạo đức, văn hóa ứng xử, phong tục, tập quán tốt đẹp để tác động tới tâm tư, tình cảm của các bên, khơi dậy trong họ những suy nghĩ, tình cảm tích cực, qua đó làm cho các giá trị văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy.

4. Phạm vi hòa giải ở cơ sở

a) Mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật được tiến hành hòa giải

Theo Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP, hòa giải ở cơ sở được tiến hành đối với các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật sau đây:

- Mâu thuẫn giữa các bên (do khác nhau về quan niệm sống, lối sống, tính tình không hợp hoặc mâu thuẫn trong việc sử dụng lối đi qua nhà, lối đi chung, sử dụng điện, nước sinh hoạt, công trình phụ, giờ giấc sinh hoạt, gây mất vệ sinh chung hoặc các lý do khác);

- Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự như tranh chấp về quyền sở hữu, nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, thừa kế, quyền sử dụng đất;

- Tranh chấp phát sinh từ quan hệ hôn nhân và gia đình như tranh chấp phát sinh từ quan hệ giữa vợ, chồng; quan hệ giữa cha, mẹ và con; quan hệ giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu, giữa anh, chị, em và giữa các thành viên khác trong gia đình; cấp dưỡng; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; ly hôn.

Đối với việc ly hôn, hoà giải viên thực hiện việc hoà giải, giúp đôi vợ, chồng tự hàn gắn tình cảm, giữ gìn hạnh phúc gia đình, mà không được phép giải quyết, phân xử việc ly hôn: cho vợ, chồng ly hôn hay ép buộc họ không được ly hôn.

- Vi phạm pháp luật mà theo quy định của pháp luật những việc vi phạm đó chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính:

Hoà giải viên thực hiện hoà giải những việc như trộm cắp vặt (rau, quả trong vườn, một số đồ dùng sinh hoạt có giá trị không lớn), đánh, chửi nhau gây mất trật tự công cộng, đánh nhau gây thương tích nhẹ, va quệt xe cộ gây thương tích nhẹ, lừa đảo, đánh bạc mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, xử lý vi phạm hành chính.

- Vi phạm pháp luật hình sự trong các trường hợp sau đây thì hòa giải viên có thể tiến hành hòa giải, cụ thể là:

+ Trường hợp không bị khởi tố vụ án theo quy định tại Điều 107 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 (được thay thế bằng Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015) và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

+ Vụ án đã được khởi tố, nhưng sau đó có quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng về đình chỉ điều tra theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 (được thay thế bằng quy định tại khoản 1 Điều 230 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015) hoặc đình chỉ vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 169 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 (được thay thế bằng quy định tại khoản 1 Điều 282 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015) và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

- Vi phạm pháp luật bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại Nghị định số 111/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/9/2013 quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc có đủ điều kiện để áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Chương II Phần thứ năm của Luật xử lý vi phạm hành chính

- Những vụ, việc khác mà pháp luật không cấm.

b) Các trường hợp không hòa giải

Theo Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP, các trường hợp sau đây không hòa giải:

- Mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng; đó là các mâu thuẫn, tranh chấp làm tổn hại đến lợi ích chung của Nhà nước, của cộng đồng.

Ví dụ: Các mâu thuẫn, tranh chấp xâm phạm, lấn chiếm đất công, tranh chấp về sử dụng trái phép công trình công cộng...

- Vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình, giao dịch dân sự mà theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự không được hòa giải.

- Vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trừ trường hợp quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP;

- Vi phạm pháp luật mà theo quy định phải bị xử lý vi phạm hành chính (bao gồm: bị xử phạt vi

phạm hành chính hoặc bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính), trừ các trường hợp quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP;

- Mâu thuẫn, tranh chấp khác không được hòa giải ở cơ sở bao gồm: Hòa giải tranh chấp về thương mại và hòa giải tranh chấp về lao động, việc hòa giải các tranh chấp này được thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về thương mại và lao động.

Nghị định số 15/2014/NĐ-CP cũng quy định về việc hướng dẫn xác định phạm vi hòa giải ở cơ sở và hướng dẫn giải quyết trường hợp các vụ, việc không thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở, theo đó, trong trường hợp chưa xác định được vụ, việc có thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở hay không thì hòa giải viên đề nghị công chức Tư pháp - Hộ tịch hướng dẫn (Điều 7).

Trong trường hợp xác định vụ, việc không thuộc phạm vi hòa giải theo quy định tại Điều 3 của Luật Hòa giải ở cơ sở và Khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 15/2014/NĐ-CP thì hòa giải viên giải thích cho các bên về lý do không hòa giải và hướng dẫn các bên làm thủ tục cần thiết để đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết (Điều 6 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP).

5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở

Theo Điều 4 Luật Hòa giải ở cơ sở, có các nguyên tắc sau:

a) Nguyên tắc tôn trọng sự tự nguyện của các bên; không bắt buộc, áp đặt các bên trong hòa giải ở cơ sở.

Hòa giải viên chỉ đóng vai trò là người trung gian hướng dẫn, giúp đỡ các bên giải quyết tranh chấp bằng con đường hòa giải chứ không áp đặt, bắt buộc các bên phải tiến hành hòa giải

b) Nguyên tắc bảo đảm phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân; phát huy tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ và cộng đồng dân cư; quan tâm đến quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, phụ nữ, người khuyết tật và người cao tuổi

c) Nguyên tắc khách quan, công bằng, kịp thời, có lý, có tình; giữ bí mật thông tin đời tư của các bên, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 10 của Luật Hòa giải ở cơ sở

d) Nguyên tắc tôn trọng ý chí, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng

đ) Nguyên tắc bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở

e) Nguyên tắc không lợi dụng hòa giải ở cơ sở để ngăn cản các bên liên quan bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định của pháp luật hoặc trốn tránh việc xử lý vi phạm hành chính, xử lý về hình sự.

KẾ HOẠCH TẬP HUẤN BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ VỀ LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CHO ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC 03 CẤP... (Tiếp theo trang 16)

* Nội dung phổ biến:

- Giới thiệu các quy định mới của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư hướng dẫn thi hành theo chuyên đề (nếu có) đồng thời trao đổi, thảo luận các vấn đề có liên quan.

- Kinh nghiệm trong công tác quản lý chất thải;

- Kỹ năng trong công tác truyền thông lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Hướng dẫn tạo lập hồ sơ chứng minh các chỉ tiêu: 17.2; 17.3; 17.5; 17.7; 17.9 thuộc tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm đối với xã xây dựng nông thôn mới theo Hướng dẫn số 05/HD-STNMT ngày 03/11/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Một số kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016; Triển khai Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 05/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh Ủy./.

(Nguồn Kế hoạch số 41/KH-STNMT ngày 02/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường).

VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

■ Đặng Văn Mừng¹

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là hành vi có lỗi, do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm các quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường mà không phải là tội phạm và theo quy định của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

1. CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Các hành vi vi phạm hành chính được quy định trong Nghị định số 155/2016/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm 08 nhóm hành vi sau:

- Các hành vi vi phạm các quy định về kế hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường và đề án bảo vệ môi trường;

- Các hành vi gây ô nhiễm môi trường;

- Các hành vi vi phạm các quy định về quản lý chất thải;

- Các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ (sau đây gọi chung là cơ sở) và khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh dịch vụ tập trung (sau đây gọi chung là khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung);

- Các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, chế phẩm sinh học; nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng; hoạt động lễ hội, du lịch và khai thác khoáng sản;

- Các hành vi vi phạm các quy định về thực hiện phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường;

- Các hành vi vi phạm hành chính về đa dạng sinh học bao gồm: Bảo tồn và phát triển bền vững

hệ sinh thái tự nhiên; bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật và bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên di truyền;

- Các hành vi cản trở hoạt động quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính và các hành vi vi phạm quy định khác về bảo vệ môi trường được quy định cụ thể tại Nghị định 155/2016/NĐ-CP.

Tám (08) nhóm hành vi nêu trên được quy định cụ thể tại Chương II gồm 40 Điều từ Điều 8 đến Điều 47.

2. HÌNH THỨC XỬ PHẠT

2.1. Các hình thức xử phạt chính, bao gồm:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức.

Hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể bị xử phạt như cá nhân.

2.2. Hình thức xử phạt bổ sung:

- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm nghiêm trọng các hoạt động được ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật xử lý vi phạm hành chính từ 01 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành;

- Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (sau đây gọi chung là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính).

1 - Đơn vị Phòng Quản lý Tài nguyên và Biển

Hình thức xử phạt bổ sung chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính (theo quy định tại Khoản 3, Điều 21 Luật Xử lý vi phạm hành chính).

3. BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Ngoài các hình thức xử phạt nêu trên, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

3.1. Buộc khôi phục lại tình trạng môi trường đã bị ô nhiễm hoặc phục hồi môi trường bị ô nhiễm do vi phạm hành chính gây ra; buộc trồng lại, chăm sóc và bảo vệ diện tích khu bảo tồn đã bị phá hủy, phục hồi sinh cảnh ban đầu cho các loài sinh vật, thu hồi nguồn gen từ các hoạt động tiếp cận nguồn gen trái pháp luật;

3.2. Buộc tháo dỡ hoặc di dời cây trồng, công trình, phần công trình xây dựng trái quy định về bảo vệ môi trường; buộc tháo dỡ công trình, trại chăn nuôi, khu nuôi trồng thủy sản, nhà ở, lán trại xây dựng trái phép trong khu bảo tồn;

3.3. Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường và báo cáo kết quả đã khắc phục xong hậu quả vi phạm theo quy định;

3.4. Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, máy móc, thiết bị phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, vật phẩm, chế phẩm sinh học và phương tiện nhập khẩu, đưa vào trong nước trái quy định về bảo vệ môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường; buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện có chứa loài ngoại lai xâm hại, sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen;

3.5. Buộc tiêu hủy hàng hóa, máy móc, thiết bị phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, vật phẩm, chế phẩm sinh học và phương tiện nhập khẩu, đưa vào trong nước trái quy định về bảo vệ môi trường hoặc gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và môi trường; buộc tiêu hủy loài sinh vật ngoại lai xâm hại, sinh vật biến đổi gen, mẫu vật di truyền của sinh vật biến đổi gen chưa có Giấy phép khảo nghiệm sinh vật biến đổi gen, Giấy chứng nhận an toàn sinh học; buộc thu hồi và tiêu hủy chế phẩm sinh học đã sản xuất, lưu hành

hoặc sử dụng trái phép. Tịch thu sản phẩm có giá trị sau khi tiêu hủy và xử lý theo quy định của pháp luật;

3.6. Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn về hiện trạng môi trường của các cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung;

3.7. Buộc thu hồi, xử lý sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc thải bỏ theo quy định; buộc thu hồi kết quả phát sinh từ các hoạt động tiếp cận nguồn gen trái pháp luật;

3.8. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;

3.9. Buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung, phát sáng, phát nhiệt, quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại, xử lý chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; buộc phải lập hồ sơ báo cáo kết quả hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trình cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; buộc lập, thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường; buộc ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định;

3.10. Buộc xây lắp công trình bảo vệ môi trường theo quy định; buộc vận hành đúng quy trình đối với công trình bảo vệ môi trường theo quy định;

3.11. Buộc di dời ra khỏi khu vực cấm; thực hiện đúng quy định về khoảng cách an toàn về bảo vệ môi trường đối với khu dân cư;

3.12. Truy thu số phí bảo vệ môi trường nộp thiếu, trốn nộp theo quy định; buộc chi trả kinh phí trưng cầu giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường (đối với tất cả các thông số môi trường của các mẫu môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật) trong trường hợp có vi phạm về xả chất thải vượt quy chuẩn kỹ thuật hoặc gây ô nhiễm môi trường theo định mức, đơn giá hiện hành; buộc bồi thường thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm gây ra theo quy định của pháp luật;

3.13. Buộc di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến vị trí phù hợp với quy hoạch và sức chịu tải của môi trường.

KẾ HOẠCH TẬP HUẤN BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ VỀ LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CHO ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC 03 CẤP (CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ)

■ **Đinh Thị Nhanh**¹

Thực hiện ý kiến chỉ đạo tại Thông báo số 1965-TB/VPTU ngày 07/6/2019 của Bí thư Tỉnh ủy về việc sơ kết tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 5 và xây dựng chương trình công tác tháng 6/2019. Theo đó đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực tài nguyên và môi trường cho công chức 3 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã);

Nhằm tăng cường nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ và chia sẻ kinh nghiệm cho đội ngũ công chức xã, phường, thị trấn (cấp xã), công chức phòng TNMT huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện), công chức Sở Tài nguyên và Môi trường (cấp tỉnh) cũng như chia sẻ kinh nghiệm về công tác quản lý nhà nước lĩnh vực tài nguyên và môi trường ngày càng tốt hơn đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan hành chính 3 cấp trong việc phối hợp thực hiện nhiệm vụ, góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH của địa phương.

Sở Tài nguyên và Môi trường lập Kế hoạch tổ chức 04 lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực tài nguyên và môi trường cho đội ngũ công chức, viên chức 03 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã) và tổ chức thực hiện với những nội dung chính như sau:

1. Lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn về thực hiện BTHTTĐC (GPMB) tỉnh Trà Vinh

* Số lượng Đại biểu mời tham dự, thời gian và địa điểm:

- Số lượng: 366 đại biểu.
- Thời gian: 01 ngày (ngày 30/7/2019).
- Địa điểm: Trung tâm Hội nghị tỉnh Trà Vinh.

* Nội dung phổ biến:

- Các văn bản của Trung ương về thu hồi bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất:

+ Chương VI Luật Đất đai 2013 (Điều 61-94): về thu hồi đất, trưng dụng đất, bồi thường hỗ trợ tái định cư;

+ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP về bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất;

+ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT quy định chi tiết về bồi thường hỗ trợ tái định cư;

+ Nghị quyết số 73/NQ-CP về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất 2010-2020 và kế hoạch sử dụng đất 2016-2020;

- Các văn bản của HĐND, UBND tỉnh quy định về thu hồi bồi thường hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất:

+ Nghị quyết của HĐND kèm theo danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo Điều 58 và Điều 62 của Luật Đất đai 2013; Bảng giá đất 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

+ Quyết định của UBND tỉnh về việc quy định giá đất cụ thể để đền bù, hỗ trợ; Quyết định của UBND tỉnh về đơn giá đất ở tái định cư (để thực hiện bố trí tái định cư) đối với trường hợp có tái định cư; Quyết định của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện thu hồi đất cho UBND cấp huyện (chỉ áp dụng đối với trường hợp có thu hồi đất tổ chức đồng thời với thu hồi đất hộ gia đình, cá nhân); Quyết định của UBND tỉnh quy định đơn giá bồi thường về cây trồng, vật nuôi hoa màu có trên đất khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định của UBND tỉnh quy định đơn giá bồi thường về nhà ở,

1 - Đơn vị ~~Phòng Quản lý Tài nguyên và Biển~~

công trình vật kiến trúc có trên đất khi nhà nước thu hồi đất;

- Các loại văn bản khác của UBND tỉnh, Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nếu có).

- Hướng dẫn các bước cơ bản khi tiến hành thực hiện GPMB;

- Trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm những công trình GPMB đã thực hiện tốt.

2. LỚP TẬP HUẤN VỀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ VÀ CÔNG TÁC TIẾP NHẬN XỬ LÝ ĐƠN THƯ, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI (HG& GQKNTC):

** Số lượng Đại biểu mời tham dự, thời gian và địa điểm:*

- Số lượng: 350 đại biểu.
- Thời gian: 01 ngày (ngày 31/7/2019).
- Địa điểm: Trung tâm Hội nghị tỉnh Trà Vinh.

** Nội dung phổ biến:*

Phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật sau:

- Luật hòa giải ở cơ sở và Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở (kết hợp phổ biến Công văn số 1053/BTP-GDPBPL ngày 05/5/2017 của Bộ Tư pháp).

- Thông tư 07/2014/TT-TTTP ngày 31/10/2014 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

- Thông tư 07/2013/TT-TTTP ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và Thông tư 02/2016/TT-TTTP ngày 20/10/2016 của Tổng Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2013/TT-TTTP.

- Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định về cơ chế phối hợp của các cơ quan, tổ chức để giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Kết hợp phổ biến các văn bản sau:

- Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng quỹ đất công

trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Quy chế phối hợp liên tịch số 01/QCPLT-STNMT-MTTQ-LĐLĐ-HND-HPN-HCCB-TNCSHCM ngày 26/6/2019 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Trà Vinh, Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Trà Vinh về tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về tài nguyên và môi trường

3. LỚP TẬP HUẤN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI

** Số lượng Đại biểu mời tham dự, thời gian và địa điểm:*

- Số lượng: 270 đại biểu.
- Thời gian: 01 ngày (ngày 26/9/2019).
- Địa điểm: Trung tâm Hội nghị tỉnh Trà Vinh.

** Nội dung phổ biến:*

- Về đo đạc bản đồ: Triển khai Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018; Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 03 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

- Về thủ tục đất đai:

+ Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất; Trình tự, thủ tục về đất đai để thực hiện dự án đầu tư đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Trình tự thủ tục thực hiện biến động đất đai;

- Về kế hoạch sử dụng đất:

+ Trình tự lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện;

+ Nội dung liên quan đến công tác lập Danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang sử dụng vào mục đích khác.

4. LỚP TẬP HUẤN VỀ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (BVMT)

** Số lượng Đại biểu mời tham dự, thời gian và địa điểm:*

- Số lượng: 268 đại biểu
- Thời gian: 01 ngày (ngày 27/9/2019).
- Địa điểm: Trung tâm Hội nghị tỉnh Trà Vinh.

(Xem tiếp trang 12)

KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

TỈNH TRÀ VINH QUÍ II NĂM 2019

■ Dương Thị Hồng Diễm¹

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh về Bảo vệ môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2019, Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường đã tổ chức thực hiện và hoàn thành công tác quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh quý II năm 2019 (03 đợt quan trắc nền vào tháng 4, 5, 6 và quan trắc tác động đợt 2). Kết quả quan trắc như sau:

1. CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG NỀN

1.1. Chất lượng không khí

Trong chương trình quan trắc nền, không khí được lấy mẫu tại 02 điểm. Qua 03 đợt lấy mẫu môi trường cho thấy chất lượng không khí khu vực đồng bằng xã Ngũ Lạc và xã Phước Hưng vẫn còn tốt, tất cả các thông số quan trắc đều thấp hơn giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ).

- Hàm lượng bụi lơ lửng (TSP) dao động trong khoảng 0,05 - 0,12 mg/m³ (giới hạn cho phép 0,3 mg/m³), cao nhất tại khu vực đồng bằng xã Ngũ Lạc vào tháng 6.

- Hàm lượng SO₂, NO₂ ở các đợt quan trắc đều rất thấp so với QCVN 05:2013/BTNMT.

- Tiếng ồn dao động trong khoảng 51,1 - 60,9 dBA (giới hạn cho phép 70 dBA).

1.2. Chất lượng nước mặt

Trong chương trình quan trắc nền, nước mặt được lấy mẫu tại 02 điểm. Kết quả quan trắc chất lượng nước mặt tại khu vực xã Đức Mỹ (đầu nguồn sông Hậu thuộc tỉnh Trà Vinh) và xã An Phú Tân (đầu nguồn sông Cổ Chiên thuộc tỉnh Trà Vinh) cho thấy đa số các thông số quan trắc có giá trị nằm trong mức giới hạn cho phép của QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác

có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2).

- Hàm lượng SS dao động từ <3,5 - 49 mg/L (giới hạn cho phép 50 mg/L), cao nhất tại khu vực xã An Phú Tân vào tháng 4, 5.

- Hàm lượng Cl⁻ tương đối thấp so với mức giới hạn cho phép, dao động từ 13 - 53 mg/L (giới hạn cho phép 350 mg/L).

- Mật độ vi sinh vật trong nước mặt tương đối cao, Coliform dao động từ 4.300 - 43.000 MPN/100mL (giới hạn cho phép 7.500 MPN/100mL). Có 04/06 mẫu vượt giới hạn, cao nhất tại khu vực xã An Phú Tân vào tháng 5.

2. CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG TÁC ĐỘNG

2.1. Chất lượng không khí

Chương trình quan trắc tác động, không khí được lấy mẫu tại 17 điểm. Kết quả quan trắc cho thấy đa số thông số có giá trị nằm trong mức giới hạn cho phép QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng một số chất độc hại trong không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ).

- Tiếng ồn tại các điểm quan trắc dao động từ 49,7 - 68,7 dBA (giới hạn cho phép 70 dBA), cao nhất tại khu vực Công ty Giày da Mỹ Phong; ngã ba giao Quốc lộ 53 và Hương lộ 81 Trung tâm điện lực Duyên Hải.

- Hàm lượng bụi lơ lửng dao động từ 0,06 - 0,26 mg/m³ (giới hạn cho phép 0,3 mg/m³), cao nhất tại giao lộ QL 60 và QL 54, thị trấn Tiểu Cần và bãi rác Duyên Hải. Hàm lượng SO₂, NO₂ ở tất cả các điểm quan trắc đều thấp hơn so với mức giới hạn cho phép.

- Hàm lượng O₃ vượt nhẹ so với QCVN 05:2013/BTNMT tại làng nghề sơ chế biến thủy, hải sản xã

1 - Đơn vị Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường

Đông Hải và khu vực gần cầu Cổ Chiên (gần trạm thu phí).

- Thông số NH₃ ở tất cả các điểm quan trắc dao động từ 0,202 - 0,665 mg/m³ (giới hạn cho phép 0,2 mg/m³), vượt giới hạn từ 1,01 - 3,33 lần, vượt nhiều nhất tại khu dân cư bên ngoài nhà máy nhiệt điện Duyên Hải.

2.2. Chất lượng nước mặt

Chương trình quan trắc tác động, nước mặt được lấy mẫu tại 18 điểm. Kết quả thử nghiệm cho thấy đa số các thông số có giá trị vượt giới hạn cho phép so với QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2). Phần lớn các thông số vượt giới hạn cho phép là: Coliform, NO₂-N, COD, Cl⁻, SS, NH₄⁺-N.

- Mật độ Coliform dao động từ 230 - 240.000 MPN/100mL (giới hạn cho phép 7.500 MPN/100mL), có 15/18 điểm vượt giới hạn từ 1,2 - 32 lần, cao nhất tại cầu Long Bình 1; cầu Mỹ Huế; cầu Ô Chát - sông Ô Chát, xã Song Lộc; Kênh 12 - khu vực gần bãi rác thị xã Duyên Hải.

- Hàm lượng NO₂-N tại 09/18 điểm vượt giới hạn cho phép từ 1,2 - 15,6 lần, cao nhất là nước mặt kênh 12 - khu vực gần bãi rác thị xã Duyên Hải.

- Có 08/18 điểm quan trắc vượt giới hạn cho phép ở thông số COD và Cl⁻. Trong đó, hàm lượng COD vượt nhẹ từ 1,1 - 2,3 lần; hàm lượng Cl⁻ dao động từ 16 - 13.700 mg/L (giới hạn cho phép 350 mg/L), vượt giới hạn từ 1,4 - 39,1 lần, cao nhất tại Kênh đào Trà Vinh, xã Dân Thành; Cầu Long Toàn; cảng cá Láng Chim; sông Bến Chùa, xã Mỹ Long Nam.

- Hàm lượng SS và NH₄⁺-N vượt giới hạn cho phép tại 03/18 điểm quan trắc. SS dao động từ 6,4 - 140 mg/L (giới hạn cho phép 50 mg/L), cao nhất tại bến phà Đại Ngãi, thị trấn Cầu Quan. Hàm lượng NH₄⁺-N dao động từ 0,015 - 3,2 mg/L (giới hạn cho phép 0,9 mg/L), các điểm vượt giới hạn từ 2,7 - 3,6 lần tại Cầu Long Bình 1; cống La Bang, xã Đôn Châu; cầu Phước Hưng, xã Phước Hưng.

2.3. Chất lượng nước dưới đất

Chương trình quan trắc tác động, nước dưới đất được lấy mẫu tại 11 điểm. Nước dưới đất tại khu vực trồng mía xã Tân Hòa, khu vực gần bãi rác huyện Cầu Ngang, khu vực nuôi tôm công nghiệp phường 1, TX. Duyên Hải, khu vực gần CCN xã Lưu Nghiệp Anh, kênh 12 - khu vực gần bãi rác TX. Duyên Hải có chất lượng khá tốt. Tất cả các thông

số quan trắc có giá trị nằm trong mức giới hạn cho phép của QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

- Một số điểm như tại khu vực nước lợ Láng Thè, xã Đại Phước; khu vực gần bãi rác Cầu Kè, xã Hòa Ân; khu vực làm muối Cồn Cù, xã Đông Hải có mật độ Coliform vượt giới hạn cho phép 11,0 lần, cao nhất là khu vực gần bãi rác thành phố Trà Vinh vượt 4.333 lần.

- Hàm lượng Cl⁻ dao động từ <5 - 3.800 mg/L, các điểm tại khu vực ấp Cây Cách, xã Bình Phú; khu vực xã Phương Thạnh; khu vực nước lợ Láng Thè, xã Đại Phước vượt giới hạn từ 4,0 - 15,2 lần, cao nhất tại khu vực nước lợ Láng Thè.

Tổng cứng dao động từ 210 - 1.200 mg/L, có 02 điểm vượt giới hạn 2,4 lần tại khu vực ấp Cây Cách, xã Bình Phú; khu vực xã Phương Thạnh.

2.4. Chất lượng nước biển ven bờ

Chương trình quan trắc tác động, nước biển ven bờ được lấy mẫu tại 04 điểm. Chất lượng nước tại KDL biển Ba Động được so với QCVN 10-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển (vùng bãi tắm, thể thao dưới nước). Đa số các thông số quan trắc có giá trị tương đối thấp và nằm trong giới hạn cho phép, ngoại trừ Fe và Coliform vượt giới hạn (Fe vượt 4,4 lần, Coliform vượt 240 lần).

- So với chất lượng nước dùng cho mục đích nuôi trồng thủy sản thì tại khu vực xã Đông Hải có hàm lượng SS vượt giới hạn cho phép 7,8 lần, Fe vượt 8,8 lần. Nước biển khu vực xã Mỹ Long Nam có Fe vượt 3,4 lần.

- Nước biển khu vực Cảng Biển hầu hết các thông số có giá trị nằm trong mức giới hạn cho phép, riêng Fe vượt giới hạn 4,6 lần.

2.5. Chất lượng nước thải

Chương trình quan trắc tác động, nước thải được lấy mẫu tại 06 điểm. So với chất lượng nước thải sinh hoạt thì đa số điểm quan trắc có hàm lượng NH₄⁺-N và Coliform vượt giới hạn cho phép. Trong đó NH₄⁺-N vượt từ 1,3 - 3,2 lần, cao nhất tại cống nước thải sinh hoạt thị trấn Châu Thành; Coliform vượt giới hạn từ 18,6 - 4.800 lần, cao nhất tại cống nước thải sinh hoạt thị trấn Cầu Quan.

- Nước thải làng nghề sơ chế thủy sản Xóm Đáy có 06 thông số vượt giới hạn cho phép so với QCVN 11-MT:2015/BTNMT là: TSS, NH₄⁺-N, tổng N vượt từ 1,8 - 2,9 lần; COD vượt 4,9 lần; BOD₅ vượt 5,4 lần; Coliform vượt 18.600 lần.

TỔNG KẾT 02 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 33/2017/NĐ-CP NGÀY 13/4/2017 CỦA CHÍNH PHỦ

■ Dương Văn Trung¹

Ngày 03/4/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 33/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản, Nghị định có hiệu lực từ ngày 20/5/2017. Theo đó, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đã tổ chức triển khai thực hiện, cụ thể:

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 1359/UBND-NN ngày 13/4/2017, ngày 21/4/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường có Công văn số 627/STNMT-TNNKS gửi đến các cơ quan, đơn vị có liên quan, các tổ chức/ cá nhân hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản để nghị truy cập Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (địa chỉ: <http://www.chinhphu.gov.vn>) hoặc Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường (địa chỉ: <http://www.monre.gov.vn>) để biết nội dung và thực hiện. Ngày 18/4/2017, Công an tỉnh Trà Vinh có Công văn số 307/CAT-PV11 chỉ đạo công an các đơn vị, huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, quán triệt Nghị định số 33/2017/NĐ-CP của Chính phủ. UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, đoàn thể và nhân dân thực hiện.

Qua công tác triển khai thực hiện, các cơ quan, đơn vị đã làm tốt vai trò tham mưu, giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến lĩnh vực khoáng sản, tài nguyên nước, không để xảy ra khiếu kiện đông người, hình thành “điểm nóng”, phức tạp gây mất an ninh trật tự ở địa phương; Phát hiện, xử lý nhiều trường hợp vi phạm theo quy định tại Nghị



Hoạt động khai thác cát sông trên tuyến sông Cổ Chiên

định số 33/2017/NĐ-CP. Qua đó các ngành, chính quyền địa phương và nhân dân toàn tỉnh đánh giá cao và đồng tình ủng hộ.

Tỉnh đã chỉ đạo tuyên truyền Nghị định trên phương tiện thông tin đại chúng, Đài phát thanh – truyền hình Trà Vinh, Báo Trà Vinh về phổ biến văn bản pháp luật, kết quả xử lý vi phạm trong hoạt động khoáng sản và tài nguyên nước. Thông qua công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, đồng thời, phát tài liệu tuyên truyền để người dân tích cực tố giác các hành vi vi phạm pháp luật. Ngoài ra, đã chỉ đạo các cơ

1 - Đơn vị: Phòng Quản lý Tài nguyên và Biển

quan chuyên môn thực hiện tập huấn đối với các tổ chức được cấp phép trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản. Qua công tác tuyên truyền, nhìn chung nhận thức của người dân và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản được nâng lên. Nhân dân tích cực tố giác các hành vi vi phạm, góp phần phòng ngừa và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm.

2. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính:

Từ khi Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 13/4/2017 của Chính phủ có hiệu lực, trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đã tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản, kết quả:

2.1. Lĩnh vực Tài nguyên nước:

- Số cuộc thanh tra, kiểm tra: 09 cuộc thanh tra, kiểm tra với 54 lượt đối với 54 tổ chức, cá nhân.

- Qua thanh tra, kiểm tra đã nhắc nhở các đơn vị thực hiện đúng quy định của pháp luật.

2.2. Lĩnh vực Khoáng sản:

- Số cuộc thanh tra, kiểm tra: 421 cuộc đối với 693 tổ chức, cá nhân,

- Xử phạt: Đã xử phạt 322 tổ chức, cá nhân vi

phạm với số tổng số tiền 3.688.500.000 đồng. Tạm giữ 101 phương tiện vi phạm (ghe sắt, ghe gỗ). Đồng thời, đã nhắc nhở, chấn chỉnh 371 tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định về hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản.

3. Tác động tích cực của Nghị định:

Từ khi triển khai thực hiện, Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 13/4/2017 của Chính phủ có sức răn đe nhất định đối với các đối tượng vi phạm, nhất là các đối tượng khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép. Tạo sự chuyển biến tích cực đối với tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản. Đồng thời việc bổ sung 02 hình thức phạt bổ sung mới là tước quyền sử dụng giấy phép từ 01 đến 24 tháng (đối với giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất; giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản); đình chỉ hoạt động lập, thực hiện đề án, dự án về tài nguyên nước từ 01 đến 12 tháng và đình chỉ hoạt động thăm dò, khai thác tài nguyên nước, thăm dò, khai thác khoáng sản từ 01 đến 12 tháng. Qua đó các công ty, doanh nghiệp, cá nhân quan tâm, chấp hành nghiêm pháp luật, hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục theo quy định trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỔ CHỨC

TUYÊN TRUYỀN, TẬP HUẤN NÂNG CAO KIẾN THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU NĂM 2019 ... (Tiếp theo trang 21)

nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực BVMT của các cấp cũng như trang bị những kiến thức pháp lý để giải quyết các tình huống thực tiễn vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BVMT và biến đổi khí hậu cho các cán bộ các Hội, Đoàn thể các cấp. Phát huy vai trò của các cấp, các ngành và các đơn vị có liên quan trong công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, các quy định của pháp luật về BVMT và biến đổi khí hậu đến các tầng lớp nhân dân nắm và để cùng tham gia thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu trong giai đoạn hiện nay.

Bên cạnh đó tạo cơ hội để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, tăng cường sự phối hợp, liên kết chặt chẽ trong công tác quản lý, tổ chức các hoạt động góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng

chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức và các Hội, đoàn thể đang trực tiếp làm công tác tuyên truyền kiến thức bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.

Trong thời gian tới cấp ủy, chính quyền, MTTQ các cấp, các đoàn thể trên địa bàn huyện tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn tổ chức các doanh nghiệp và nhân dân chấp hành tốt quy định pháp luật, tích cực tham gia các phong trào bảo vệ môi trường, xây dựng các mô hình tự quản về bảo vệ môi trường ở cộng đồng dân cư. Chú trọng đến sự lồng ghép vào cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" tại mỗi địa bàn, khu dân cư nhằm góp phần xây dựng thành công huyện nông thôn mới vào năm 2020.

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỔ CHỨC TUYÊN TRUYỀN, TẬP HUẤN NÂNG CAO KIẾN THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN CÀNG LONG

Nguyễn Quốc Chinh

■ Nguyễn Thị Đoàn Điểm¹

Sáng ngày 04/7 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh kết hợp cùng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tổ chức tuyên truyền, tập huấn nâng cao kiến thức bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu năm 2019 cho đội ngũ cán bộ, công chức môi trường cấp huyện, cấp xã và các Hội, đoàn thể trên địa bàn huyện.

Tham gia lớp tập huấn với 80 đại biểu là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ, Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội nông dân, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Chủ tịch Hội Người Cao tuổi, cán bộ, công chức môi trường cấp huyện, xã, thị trấn.

Bà Đoàn Thị Thu Thảo - Phó Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh báo cáo các chuyên

đề quan trọng như: Tuyên truyền Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 05/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự chỉ đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trong đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh; Vấn đề thu gom và xử lý rác thải nhựa, thuốc BVTV; Tác hại của rác thải nhựa và túi ni lông; Hiện trạng môi trường và tác động của biến đổi khí hậu đến sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh Trà Vinh; Vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu và của các Hội, đoàn thể trong công tác bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu hiện nay.

Qua tập huấn đã phổ biến kịp thời các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy cũng như các quy định pháp luật về BVMT, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ BVMT của các tổ chức, cá nhân, trách



Quang cảnh buổi tập huấn

1 - Đơn vị: Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

Phòng Tài nguyên
và Môi trường
huyện Càng Long

CÔNG TÁC “DÂN VẬN KHÉO” TRONG HÒA GIẢI, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, KHIẾU NẠI VỀ ĐẤT ĐAI

Phạm Trường Chinh¹

Công tác “Dân vận khéo” trong hòa giải, giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai của Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ được Lãnh đạo Sở giao và hưởng ứng cuộc vận động của Đảng, Nhà nước ta về “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” trong những năm qua.

Hiện nay, các vụ việc khiếu nại, tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đa số là vụ việc phức tạp, có liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo. Do đó, việc hòa giải, vận động rút đơn là điều không dễ thực hiện. Tuy nhiên, được sự quan tâm lãnh chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Lãnh đạo Sở, Thanh tra đã quán triệt và thực hiện tốt công tác “Dân vận khéo” trong hòa giải, giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai bằng cách phối hợp tốt với các cơ quan ngành tỉnh, cấp huyện, địa phương. Đặc biệt là sự quán triệt tư tưởng đến từng cán bộ, đảng viên để khi được giao nhiệm vụ vận dụng tốt, nhuần nhuyễn các biện pháp nghiệp vụ, kết hợp với kỹ năng “Dân vận khéo” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, khuyến khích cán bộ, đảng viên không ngừng tìm tòi học hỏi và cải tiến phương pháp làm việc, sắp xếp khoa học giữa công việc nội, ngoại nghiệp nhằm rút ngắn thời gian giải quyết nhưng vẫn đảm bảo chất lượng.

Thanh tra Sở đã vận dụng quan điểm “Dân vận khéo” của Chủ tịch Hồ Chí Minh bằng cách đưa ra những giải pháp tích cực, mang lại hiệu quả cao. Công tác vận động nhằm giáo dục, thuyết phục để người dân hiểu và chấp hành pháp luật, từ đó đi đến quyết định rút đơn khiếu nại, tranh chấp. Một số bước thực hiện và phương pháp tiến hành là:

Thứ nhất, phân công kịp thời công chức xử lý đơn thư khiếu nại, tranh chấp. Khi đơn đủ điều kiện thụ lý, giao ngay cho bộ phận chuyên môn tổ chức nghiên cứu, xác minh làm rõ và chuẩn bị đầy đủ văn bản pháp luật có liên quan.

Công chức được phân công nghiên cứu kỹ, chi tiết hồ sơ nhằm mục đích:

+ Nắm rõ nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tranh chấp, chủ động ngăn ngừa điểm nóng có thể phát sinh;

+ Xác định những tình tiết cần lưu ý để xác minh làm rõ thêm nội dung. Tránh tập trung quá nhiều thời gian để kiểm tra, xác minh lại những tình tiết đã rõ, đã có đầy đủ cơ sở. Nếu trong quá trình xác minh, nhận thấy hồ sơ đã rõ, đã đủ cơ sở pháp lý, không có tình tiết mới thì có thể không cần kiểm tra, xác minh mà tổ chức ngay việc hòa giải, thuyết phục rút đơn.

Thứ hai, trong quá trình nghiên cứu hồ sơ, người thụ lý hồ sơ phải đưa ra được các nhận định và dự báo trước tình huống diễn ra khi tiếp xúc gặp gỡ đương sự và nắm được điểm mấu chốt của vấn đề phát sinh khiếu nại để đề ra trước biện pháp xử lý, thuyết phục, hướng dẫn, phải chủ động kiểm soát tình hình để không bị lúng túng, mất thời gian, lệch hướng.

Khi tiếp xúc, gặp gỡ với đương sự, phải có sự tập trung cao, xoáy sâu vào trọng tâm nội dung làm việc, tránh để cho đương sự trình bày dài dòng, lạc hướng, mất thời gian. Để làm được việc này, phải thông qua thái độ, nội dung làm việc để đương sự quán triệt.

1 - Đơn vị Phòng Quản lý Tài nguyên và Biển

Thanh tra Sở Tài
nguyên và Môi trường
tỉnh Trà Vinh

Thứ ba, trước khi tiến hành hòa giải, đối thoại, người thụ lý hồ sơ cần nắm thêm tình hình ở địa phương và kết hợp với các ban ngành, đoàn thể, Mặt trận (nếu người khiếu nại là dân tộc thiểu số thì mời thêm Ban Dân tộc) tham dự cuộc hòa giải, đối thoại, nhằm tranh thủ ý kiến vận động thuyết phục của các ngành; Bên cạnh đó, để làm tốt hơn công tác hòa giải, Thanh tra Sở cũng chủ động tìm hiểu và mời thêm những người am hiểu pháp luật ở địa phương và có uy tín đối với các bên đương sự để hỗ trợ tuyên truyền, giải thích các bên đi đến thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội và phong tục tập quán tốt đẹp, đây cũng là một cách làm sáng tạo của Thanh tra để tham mưu giúp Lãnh đạo Sở và thực tế đã mang lại hiệu quả cao trong thời gian qua.

Thứ tư, trong khi hòa giải, đối thoại, phải tạo cho đương sự một bầu không khí thoải mái để họ có được trạng thái tâm lý tốt nhất giống như những người bạn tâm tình, bên cạnh đó cần phải nắm rõ tâm lý, yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn để khi làm việc với họ, chúng ta kiên trì giải thích pháp luật, giúp đỡ, thuyết phục bằng mọi biện pháp nghiệp vụ để họ nhận ra đúng, sai và đi đến tự nguyện rút đơn khiếu nại, tranh chấp hoặc tự thỏa thuận với nhau.

Kết quả hòa giải thành một vụ việc có ý nghĩa và giá trị rất lớn trong việc giữ gìn trật tự xã hội và hàn gắn tình làng nghĩa xóm. Vì khi thấu hiểu sự việc, các bên có thể từ kẻ thù thành bạn và có thể họ sẽ kể lại vụ việc của họ cho nhiều người khác cùng nghe và khi đó họ trở thành người cộng tác viên, hòa giải viên tuyên truyền pháp luật của Nhà nước. Trong thực tế, có những vụ việc tranh chấp tuy là giá trị tài sản không lớn nhưng vì danh dự, vì muốn hơn thua nên họ trở nên mâu thuẫn gai gắt với nhau. Nắm được tâm lý của các bên và ngọn nguồn sự việc sẽ giúp ta chủ động và làm tốt công tác “Dân vận khéo”. Tính hiệu quả thiết thực mà công tác “Dân vận khéo” mang lại như sau:

- Rút ngắn thời gian giải quyết đơn thư, củng cố lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước;
- Giảm chi phí giải quyết cho ngân sách Nhà nước (như hợp, xăng xe); Giảm chi phí đi lại cho người dân;
- Tuyên truyền và phổ biến pháp luật để người dân hiểu và chấp hành đúng pháp luật của Nhà nước;

- Củng cố được tình đoàn kết, hàn gắn được tình cảm trong nội bộ nhân dân, góp phần ổn định tình hình trật tự, an toàn xã hội, hạn chế được số lượng đơn thư phát sinh đến cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Tránh được việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính khi 01 bên không thi hành quyết định giải quyết.

Tóm lại, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về công tác “Dân vận khéo” trong hòa giải, giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai hiện nay thực sự cần thiết. Muốn làm tốt việc này, người cán bộ, đảng viên cần phải có “Một cái đầu lạnh” để phán xét, phải biết mềm mỏng nhưng cũng phải dứt khoát và “Một trái tim nóng” để yêu thương, phải có cái tâm và biết đặt mình vào hoàn cảnh của đương sự để có sự lắng nghe, thông cảm và chia sẻ, giúp đỡ đương sự nhận ra cái đúng cái sai nhằm giải tỏa được khúc mắc trong lòng họ để từ đó đưa ra hướng giải quyết có tình có lý. Cuộc đời sẽ dịu dàng biết mấy khi con người biết đặt mình vào vị trí của nhau. Công tác “Dân vận khéo” là ưu tiên hàng đầu, việc giải quyết bằng một phán quyết, một quyết định của cơ quan quyền lực Nhà nước chỉ nên áp dụng khi việc hòa giải là bất khả thi.

Thời gian qua, với hiệu quả thiết thực mang lại từ công tác “Dân vận khéo” trong hòa giải, giải quyết tranh chấp, khiếu nại đất đai nêu trên, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường nhận thấy có thể áp dụng được trong phạm vi toàn tỉnh, nhất là đối với địa phương, nếu được quan tâm làm tốt công tác “Dân vận khéo” sẽ giúp cho cấp huyện và tỉnh giảm được lượng đơn thư khiếu nại đáng kể. Và Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường hi vọng công tác này có thể được nhân rộng và ứng dụng rộng rãi trong thời gian tới.





■ **Trần Hồng Châu**¹

Hiện nay, rác thải nhựa, túi nylon từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt xả ra môi trường đang hằng ngày, hằng giờ tác động tiêu cực đến chất lượng môi trường sống, sức khỏe con người và hệ sinh thái trên toàn thế giới. Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện chính sách, chiến lược để kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi nylon, sản phẩm nhựa trong sinh hoạt, quản lý chất thải rắn; thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thúc đẩy xây dựng nền kinh tế tuần hoàn, trong đó chú trọng giảm thiểu, tăng cường tái chế, tái sử dụng, tận dụng tối đa giá trị của rác thải nhựa cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, năm 2018, Liên hợp quốc đã phát động chủ đề “Giải quyết ô nhiễm nhựa và ni lông”.

Trước tình trạng cấp bách về môi trường, Thủ tướng Chính phủ đã có Thư gửi đến các cơ quan, chính quyền các địa phương, doanh nghiệp và nhân dân cả nước, kêu gọi toàn xã hội chung tay hành động chống rác thải nhựa vì một Việt Nam trong lành, phát triển bền vững, mọi người dân Việt Nam hãy chung tay hành động giải quyết vấn đề rác thải nhựa. Từng cơ quan, đơn vị trong cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cần làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, đề cao tinh thần trách nhiệm, phát động các phong trào, xây dựng nhân rộng các mô hình, đề xuất các sáng kiến và tích cực tham gia bằng các hành động cụ thể, như: Thay đổi thói quen sử dụng, giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế rác thải nhựa; tăng cường sử dụng các sản



phẩm thân thiện với môi trường; khuyến khích sử dụng bao bì, túi đựng nhiều lần; kịp thời biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các điển hình tiên tiến, mô hình tốt, cách làm hay, sáng kiến có giá trị.

Để thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm nhựa và ni lông, chung tay bảo vệ môi trường, ngày 11/9/2018, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Trần Hồng Hà đã có Công văn số 4907/BTNMT-TĐKTTT phát động phong trào thi đua “Hành động để giảm thiểu ô nhiễm nhựa và ni lông” - đây tiếp tục được coi là đợt thi đua trong toàn Ngành nhằm tiếp tục thực hiện kỷ luật, kỷ cương, hành động quyết liệt, phát huy mọi nguồn lực, hoàn thành có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ công tác của ngành trong việc ngăn chặn ô nhiễm nhựa và ni lông.

Nhằm hưởng ứng phong trào “Chống rác thải nhựa” đang được thực hiện chung trên toàn quốc,

¹ - Đơn vị Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

(Xem tiếp trang 6)